

Bản án số:107/2023/HSST

Ngày: 24/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tường;

2. Bà Nguyễn Thị Loan .

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký TAND TP Thanh Hoá,

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Hà Trọng Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 135/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo.

1. Trần Thanh S, sinh năm:1983;Tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: chung cư DD, phường DD, thành phố T tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa:11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam Con ông Trần Q C và bà H Thị Thanh B; Vợ: Lê Thị P và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: Ngày 30/12/2010, bị Toà án nhân dân huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2019; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn H, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: C, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ở hiện nay: khu đô thị H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị N; Vợ: Đinh Thị Quỳnh A (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2022 đến ngày 01/10/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Doãn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Phố M, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ở hiện nay: L, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Doãn Đ và bà Nguyễn Thị B; Bị

cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2022 đến ngày 01/10/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

4. Lê Văn Q, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Chu Thị Lệ T; Có 01 con, sinh năm 2020; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2022 đến ngày 01/10/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Doãn Đ, sinh năm 1947 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố M, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Lê Văn T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: L, phường Đ, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 24/9/2022, trong lúc Nguyễn Doãn T đang ngồi chơi tại nhà Lê Văn T, sinh ngày 02/7/1996, ở L, phường Đ, thành phố T thì Lê Văn Q gọi điện thoại cho Lê Văn T nhờ T mua hộ hồng phiếu, nhưng Lê Văn T từ chối, Nguyễn Doãn T ngồi bên cạnh nghe thấy nên lấy số điện thoại của Lê Văn Q rồi gọi cho Q nói có thể mua được ma túy, sau đó Nguyễn Doãn T rủ Lê Văn T đi đến chỗ Lê Văn Q chơi, T đồng ý. Nguyễn Doãn T điều khiển xe máy Honda Wave, BKS: 36P4-6133 chở Lê Văn T đến khu vực lán công trường xây dựng trên đường Đại lộ N, phường Q, thành phố T gặp Lê Văn Q, Q đưa cho Tú 400.000 đồng nhờ mua hộ ma túy, loại hồng phiếu. Nguyễn Doãn T gọi điện cho Trần Thanh S hỏi mua 08 viên hồng phiếu, S đồng ý bán với giá 100.000 đồng/01 viên và bảo Tú lên nhà Trần Thanh S để trao đổi, mua bán ma túy. Do Trần Thanh S mới bị tai nạn gãy chân, không đi lại được, nên sau khi thỏa thuận giá bán ma túy với Nguyễn Doãn T, Trần Thanh S đã đưa cho Phạm Văn H 01 gói ni lon màu đen, bên trong chứa 08 viên hồng phiếu, bảo H mang ra để lên tủ đựng bình cứu hỏa ở ngoài hành lang, khi nào Nguyễn Doãn T đến thì Phạm Văn H ra mở cửa và lấy của Nguyễn Doãn T 400.000 đồng vào đưa cho S, Phạm Văn H biết rõ gói ni lon màu đen mà Trần Thanh S đưa bên trong có chứa 08 viên hồng phiếu nhưng vẫn đồng ý giúp Trần Thanh S bán ma túy cho Nguyễn Doãn T. Cũng trong khoảng thời gian này, Tú đã sử dụng dịch vụ Internet Banking chuyển trước cho S 400.000 đồng vào tài khoản của S. Sau đó Nguyễn Doãn T rủ Lê Văn T đi cùng nhưng không nói là đi đâu, làm gì, T đồng ý đi cùng. Nguyễn Doãn T điều khiển xe máy Honda Wave, BKS: 36P4-6133 chở Lê Văn T đi đến khu chung cư Đ, phường Đ, thành phố T, Tú bảo T đứng chờ rồi đi lên nhà Trần Thanh S, ở chung cư Đ, phường Đ, thành phố T, Nguyễn Doãn T gọi cửa thì Phạm Văn H ra mở cửa

rồi lấy của Tú 400.000 đồng vào đưa cho S, Trần Thanh S chỉ chỗ để ma túy cho Nguyễn Doãn T ra lấy. Sau khi mua được ma túy, Nguyễn Doãn T lấy 04 viên hồng phiến bỏ vào sau ốp lưng điện thoại di động, còn 04 viên hồng phiến Tú cầm trên tay. Sau đó Nguyễn Doãn T xuống chở Lê Văn T đi đưa 04 viên hồng phiến cho Lê Văn Q, khi đi đến đường N, phường Đ, thành phố T thì bị Tổ công tác phối hợp của Công an phường Đông S và Công an phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tang vật, bao gồm:

- 01 (một) túi nilon màu trắng, kích thước (2x2)cm, bên trong chứa 04 (bốn) viên nén hình tròn màu đỏ;

- 01 (một) túi nilon màu trắng, kích thước (2x2)cm, bên ngoài bọc băng dính màu đen, bên trong túi chứa 04 (bốn) viên nén hình tròn màu đỏ;

- 01 (một) xe mô tô HONDA Wave, BKS: 36P4 – 6133;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Remi màu đen, số IMEI: 8646990516092278.

Đến 19 giờ 00 phút, ngày 24/9/2022, sau khi biết Nguyễn Doãn T bị bắt, Lê Văn Q đã đến Công an phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, số Imei: 352052078718850.

Đến 21 giờ 30 phút, ngày 24/9/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thanh Hóa đã khám xét khẩn cấp đối với Trần Thanh S tại chung cư Đ, phường Đ, thành phố T nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan. Tại thời điểm khám xét, nhà S có mặt Phạm Văn H và Nguyễn Trọng Tuấn, sinh ngày 15/5/1980, ở sN, phường Đ, thành phố T nên Cơ quan điều tra đã yêu cầu về trụ sở làm việc. Kết quả test nước tiểu, các đối tượng Trần Thanh S, Phạm Văn H và Nguyễn Trọng T đều dương tính với Methamphetamine. Quá trình làm việc, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Thanh S 01 điện thoại di động OPPO màu xanh, ngoài ra Trần Thanh S đã tự giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 800.000 đồng do bán ma túy cho Nguyễn Doãn T mà có. Về nguồn gốc ma túy, Trần Thanh S khai được 01 đối tượng tên là H, ở huyện T, tỉnh Thanh Hóa cho 10 viên hồng phiến, S đã sử dụng 02 viên hồng phiến, còn lại 08 viên hồng phiến S bán cho Tú.

Tại Kết luận giám định số 3331/KL-KTHS ngày 28/9/2022 của Phòng PC09 Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận:

- 04 (bốn) viên nén hình tròn màu đỏ đựng trong 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (2x2)cm của phong bì ký hiệu M niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,402g (không phẩy bốn không hai gam) loại: Methamphetamine;

- 04 (bốn) viên nén hình tròn màu đỏ đựng trong 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (2x2)cm bên ngoài bọc băng dính màu đen của phong bì ký hiệu M niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,402g (không phẩy bốn không hai gam) loại: Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về hóa pháp số 276/2022/TTPY-HP ngày 20/10/2022 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa kết luận: Mẫu nước tiểu thu được của các đối tượng giám định Trần Thanh S, Phạm Văn H, Nguyễn Trọng Tuấn có ma túy tổng hợp là Amphetamine, Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 65/CTr -VKS ngày 11/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố các bị cáo Trần Thanh S, Phạm Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Doãn T và Lê Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử :

Căn cứ khoản 1,5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 5, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trần Thanh S

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phạm Văn H.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Doãn T và Lê Văn Q.

Đề nghị mức hình phạt các bị cáo như sau:

- Trần Thanh S mức án từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù;

- Phạm Văn H mức án từ 27 (Hai mươi bảy) tháng tù đến 33 (Ba mươi ba) tháng tù;

- Nguyễn Doãn T mức án từ 15 (Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù;

- Lê Văn Q mức án từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Trần Thanh S đã có tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy nay lại tiếp tục phạm tội cùng loại, phạm tội vì mục đích lợi nhuận, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo S từ 7.000.000 đồng đến 10 triệu đồng.

Đối với các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Doãn T và Lê Văn Q phạm tội lần đầu nên miễn hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định; Tịch thu của bị cáo Trần Thanh S số tiền 800.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước. Tịch thu 01 (một) điện thoại di động Remi màu đen, số IMEI: 8646990516092278 (thu của Nguyễn Doãn T); 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, số Imei: 352052078718850 (thu của Lê Văn Q); 01 điện thoại di động OPPO màu xanh thu của Trần Thanh S để sung nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên; Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, một lần nữa các bị cáo thừa nhận: Do chơi bời Lê Văn Q đã rủ Nguyễn Doãn T mua ma túy về để sử dụng. Khoảng 15 giờ, ngày 24/9/2022 Lê Văn Q đã đưa cho Nguyễn Văn Tú 400.000 đồng để Tú mua ma túy cho Q, trọng lượng ma túy Nguyễn Văn Tú mua hộ cho Lê Văn Q là 0,402 gam (không phải bốn không hai gam) loại: Methamphetamine và ngoài ra Nguyễn Doãn T còn mua cho Tú 400.000 đồng trọng lượng ma túy là 0,402 gam (không phải bốn không hai gam) loại: Methamphetamine. Tổng số ma túy Nguyễn Doãn T mua là 0,804 gam (không phải tám không bốn gam). Số ma túy trên Tú mua của Trần Thanh S và Phạm Văn H vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 24/9/2022 tại nhà của Trần Thanh S, chung cư Đ, phường Đ, thành phố T.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Thanh S và Phạm Văn H có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; Hành vi của các bị cáo Nguyễn Doãn T và Lê Văn Q có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS. Do đó Cơ quan điều tra khởi tố các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tệ nạn và tội phạm về ma túy là hiểm họa cho toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến kinh tế, đến sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác, là tác nhân làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cũng cần áp dụng Điều 58 BLHS để phân hoá xem xét hành vi của từng bị cáo khi lượng hình:

* Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Bị cáo Lê Văn Q là người khởi xướng việc mua ma túy để sử dụng, Lê Văn Q đưa cho Nguyễn Doãn T 400.000 đồng để nhờ Tú mua hộ ma túy cho Q, do đó Lê Văn Q phải chịu trách nhiệm về khối lượng ma túy, loại: Methamphetamine là 0,402 gam (không phải bốn không hai gam) nhờ Nguyễn Doãn Tú mua hộ; Nguyễn Doãn T là người trực tiếp mua ma túy, ngoài mua cho bản thân 04 viên ma túy, loại: Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,402 gam (không phải bốn không hai gam), Nguyễn Doãn T còn mua hộ cho Lê Văn Q 04 viên ma túy, loại: Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,402 gam (không phải bốn không hai gam) đều với mục đích để sử dụng, do đó Nguyễn Doãn T phải chịu trách nhiệm về tổng khối lượng 08 viên ma túy, loại: Methamphetamine là 0,804gam (không phải tám không bốn gam). Do vậy Lê Văn Q đồng phạm với Nguyễn Doãn Tú và Nguyễn Doãn Tú phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn Lê văn Q là phù hợp.

* Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Bị cáo Trần Thanh S là người có ma túy, trực tiếp thỏa thuận giá cả để bán cho Nguyễn Doãn T. Tiền bán ma túy Trần Thanh S hưởng. Bị cáo Phạm Văn H là người giúp sức mang ma túy ra cho Nguyễn Doãn T và thu tiền bán ma túy cho Trần Thanh S S, do đó Trần Thanh S và Phạm Văn H đồng phạm về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và phải chịu trách nhiệm chung về tổng khối lượng 08 viên ma túy, loại: Methamphetamine là 0,804 gam (không phải tám không bốn gam). Phạm Văn Hoàng không được hưởng gì trong việc bán ma túy. Do vậy Trần Thanh S phải chịu trách nhiệm chính trong việc bán ma túy, còn bị cáo Phạm Văn Hoàng là đồng phạm với vai trò giúp sức nên bị cáo Phạm Văn Hoàng chịu trách nhiệm sau bị cáo Trần Thanh S là phù hợp.

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này bị cáo Trần Thanh S đã có tiền án chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra bị cáo Lê Văn Q đã đầu thú và khai báo hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Doãn Tú bị nhiễm chất độc da cam, bị cáo Tú có bố là người có công với cách mạng là thương binh và được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét tính chất vụ án và hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy và chất ma túy bị nhà nước cấm nhưng bị cáo bị cáo Trần Thanh S vẫn mua ma túy về để bán kiếm lời. Các bị cáo Nguyễn Doãn Tú và Lê Văn Q đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng.

Hành vi của các bị cáo thể hiện rõ sự xem thường pháp luật. Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, việc cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

* Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Trần Thanh S đã có tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy nay lại tiếp tục phạm tội cùng loại, do vậy ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Trần Thanh S từ 7.000.000 đồng là phù hợp.

Quá trình điều tra ban đầu Phạm Văn H và Nguyễn Văn Tuấn khai khi đến nhà Trần Thanh S, S lấy ra 2 viên hồng phiến mời H và Tuấn sử dụng. H và Tuấn đã sử dụng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Trần Thanh S, Phạm Văn H và Nguyễn Văn Tuấn. Tại biên bản đối chất Trần Thanh S, Phạm Văn H và Nguyễn Văn Tuấn khai nhận Phạm Văn H và Nguyễn Văn Tuấn không sử dụng ma túy tại nhà Trần Thanh S, mà tự sử dụng ma túy ở nơi khác vào thời gian trước đó. Do vậy không có căn cứ xem xét xử lý về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với Trần Thanh S.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Thanh S, Phạm Văn H và Nguyễn Văn Tuấn đã bị cơ quan công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Doãn T và Lê Văn Q phạm tội lần đầu nên miễn hình phạt bổ sung.

[8]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; khoản 1 khoản 2 Điều 106 BLTTHS Đối với 01 (một) xe máy hiệu HONDA Wave BKS: 36P4 - 6133 do Nguyễn Doãn T sử dụng để đi mua ma túy. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Doãn Đồng, ông Đồng không biết và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Doãn T, do đó Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại xe cho ông Nguyễn Doãn Đồng quản lý, sử dụng theo quy định là phù hợp.

Đối với số ma túy thu của các bị cáo là vật cấm tàng trữ, lưu hành, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 800.000 đồng Trần Thanh S bán ma túy cho Nguyễn Doãn Tú là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu để sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số điện thoại gồm: 01 (một) điện thoại di động Remi màu đen, số IMEI: 8646990516092278 (thu của Nguyễn Doãn T); 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, số Imei: 352052078718850 (thu của Lê Văn Q); 01 điện thoại di động OPPO màu xanh thu của Trần Thanh S các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu để sung nộp ngân sách nhà nước.

Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trần Thanh S.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phạm Văn Hoàng;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Doãn Tú và Lê Văn Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS. Khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh S và Phạm Văn Hoàng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Nguyễn Doãn Tú và Lê Văn Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt:

Bị cáo Trần Thanh S 38 (Ba mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thanh S số tiền 7.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo Phạm Văn Hoàng 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 25/9/2022

Bị cáo Nguyễn Doãn Tú 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 25/9/2022 .

Bị cáo Lê Văn Q 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 25/9/2022 .

Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì được đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu số điện thoại gồm: 01 (một) điện thoại di động Redmi 9A màu đen, số IMEI: 864699051609224 của Nguyễn Doãn T; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, số Imei: 352052078718850 của Lê Văn Q; 01 điện thoại di động OPPO A12 màu xanh của Trần Thanh S để sung nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Trần Thanh S số tiền 800.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

(Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 102/2023/THA ngày 07/02/2022 giữa Công an thành phố Thanh Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa).

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án khoản tiền án phí và tiền

truy thu theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt